

NHÌN LẠI 20 NĂM ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

- Hệ quả và giải pháp

ThS. Trần Phiên^(*)

1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam - Hệ quả trái ngược

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã trở thành xu thế khách quan trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. FDI được nhìn nhận là một trong những nguồn ngoại lực quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng và phát triển. Đặc biệt, đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, FDI đem lại lợi ích rất quan trọng: Bổ sung cho nguồn vốn trong nước góp phần thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng và phát triển; giúp tiếp thu công nghệ và bí quyết quản lý tiên tiến; tạo điều kiện tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu; tăng cường giải quyết việc làm cho người lao động và đào tạo ngày

càng nhiều công nhân lành nghề; nâng cao nguồn thu ngân sách... Với những lợi ích đó, việc thu hút và sử dụng có hiệu quả FDI là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong quan hệ kinh tế đối ngoại.

Thực tiễn cho thấy, các nước và lãnh thổ công nghiệp mới (NICs) như: Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông và đặc biệt là Trung Quốc (một quốc gia láng giềng với nước ta), là những điển hình thành công về thu hút FDI.

Ở nước ta, sau hơn 20 năm thực hiện Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài (ban hành tháng 12/1987), cả nước thu hút được 9.810 dự án, với tổng vốn đăng ký là 99.596,2 triệu USD, vốn thực hiện là 45.445,5 triệu USD⁽¹⁾ (số liệu tháng 12/2007). Đến cuối tháng 12/2010, tính chung 5 năm (2006-2010) tổng vốn FDI thực hiện đạt gần 45 tỷ USD, vượt 77,8% so với kế hoạch đề ra. Tổng vốn đăng ký mới và bổ sung thêm đạt trên 146,8 tỷ USD, gấp hơn 2,7 lần kế hoạch đề ra và gấp hơn 7 lần so với giai đoạn 2001-2005⁽²⁾. Nguồn vốn FDI chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu vốn đầu tư thực hiện

(*) Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh

⁽¹⁾ Tổng cục Thống kê, *Niên giám Thống kê năm 2007*, Nxb Thống kê, HN. 2008, tr.103

⁽²⁾ Ban Tuyên giáo Trung ương, *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, Nxb CTQG, HN. 2011, tr.105

toàn xã hội, cụ thể: năm 2004 chiếm 14,2%; năm 2005: 14,9%; năm 2006: 16,2%; năm 2007: 24,8%⁽¹⁾; năm 2008: 30,9%; năm 2009: 25,6%; năm 2010: 25,8%. Theo số liệu thống kê tính đến cuối năm 2010, tổng số dự án FDI là 138.12, với tổng số vốn đăng ký là 214.315,6 triệu USD và thực hiện là 77.945,5 triệu USD. Đóng góp của khu vực FDI vào thu ngân sách khoảng 11,45%⁽²⁾. Các doanh nghiệp (DN) có vốn FDI hàng năm thu hút hơn một triệu lao động trực tiếp và tạo việc làm cho hàng triệu lao động gián tiếp. FDI được coi là một nhân tố quan trọng, góp phần vào thành tựu chung của nền kinh tế: năm 2010, Việt Nam ra khỏi nhóm nước nghèo, kém phát triển và bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình, với giá trị tổng sản phẩm trong nước đạt 101,6 tỷ USD (theo giá thực tế) và GDP bình quân đầu người là 1.168 USD⁽³⁾.

Tuy nhiên, việc thu hút và sử dụng FDI ở Việt Nam, bên cạnh những mặt tích cực, vẫn còn tồn tại một số mặt trái, tiêu cực (cả về kinh tế và xã hội). Vấn đề đặt ra là cần nhận rõ những mặt trái, những tác động tiêu cực của nó và chủ động tìm giải pháp hạn chế, khắc phục, nhằm tiếp tục mở rộng thu hút, quản lý và sử dụng tốt hơn nữa nguồn FDI phục vụ đắc lực cho sự nghiệp “tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức” mà Đại hội lần thứ XI của Đảng đã đề ra.

Có thể dẫn ra một số hệ quả tiêu cực từ mặt trái của FDI ở Việt Nam thời gian qua, như:

- Nguồn vốn FDI chưa được phân bổ và sử dụng hợp lý đã làm gia tăng khoảng cách về trình độ phát triển giữa các ngành, các

vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là giữa những vùng tiếp nhận được nhiều dự án và vốn FDI với những địa phương không có điều kiện thu hút nguồn vốn đó. Vấn đề này nếu không được khắc phục, về lâu dài sẽ làm cho nền kinh tế phát triển mất cân đối, làm gia tăng phân hóa giàu nghèo và dẫn đến mâu thuẫn, xung đột xã hội.

- Lợi dụng sự khát vốn đầu tư, trình độ khoa học – kỹ thuật còn yếu kém và sự kiểm soát thiếu chặt chẽ của Việt Nam, một số đối tác nước ngoài đã góp vốn vào liên doanh dưới hình thức chuyển giao những máy móc, thiết bị cũ kỹ, lạc hậu (được tân trang lại). Kết quả của vấn đề này là: các chủ đầu tư tiếp tục thu lợi nhuận từ những máy móc, thiết bị lỗi thời nhờ kéo dài được vòng đời, tuổi thọ của nó, và quan trọng hơn là họ đã giải phóng được những thiết bị đó để trang bị những máy móc, công nghệ tiên tiến. Còn đối với các nước nhận đầu tư, như nước ta, phải gánh chịu hậu quả của sự chuyển giao công nghệ lạc hậu, thiếu đồng bộ và tụt hậu về tiến bộ kỹ thuật - công nghệ.

- Một trong những mặt trái của FDI mang lại hậu quả nghiêm trọng và lâu dài đối với kinh tế và văn hóa Việt Nam là sự xâm nhập lối sống thực dụng, bản năng, vị kỷ của xã hội TBCN, nhất là đối với thế hệ trẻ; do chạy theo lợi nhuận nên các DN FDI đã cố tình gây ra những nguy cơ, thảm họa về ô nhiễm môi trường sinh thái.

- Ngoài những mặt trái đã nêu trên, còn một số vấn đề khác, như: tranh chấp lao động trong các DN có vốn FDI; khai gian doanh thu để trốn thuế; “lời thật” “lỗ giả” giữa công ty mẹ, công ty con đã gây thiệt hại cho nền kinh tế nước ta và làm lợi cho các công ty đầu tư nước ngoài... cũng phải được giải quyết kịp thời.

2. Một số giải pháp nhằm tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả của FDI ở Việt Nam

⁽¹⁾ Tổng cục Thống kê, *Sổđ*, tr.93

⁽²⁾ Tổng cục Thống kê, *Niên giám Thống kê năm 2010*, Nxb Thống kê, HN. 2010, tr.151, 161

⁽³⁾ Ban Tuyên giáo Trung ương, *Sổđ*, tr.105

- Hoàn thiện môi trường pháp lý minh bạch, an toàn, tin cậy, hấp dẫn đối với thu hút FDI

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến FDI

Trong nền kinh tế thị trường, các DN thuộc mọi thành phần kinh tế đều hoàn toàn tự chủ, tự quyết, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của mình (cả năng lực pháp lý và năng lực hành vi), tức là hoạt động dựa trên 2 căn cứ: nhu cầu thị trường và quy định của pháp luật. Trong đó, luật pháp là công cụ bảo hộ và phát huy quyền tự do kinh doanh của các DN. Do vậy, để khuyến khích các DN, nhất là DN FDI hăng hái, yên tâm đầu tư kinh doanh, phát triển sản xuất thì điều kiện tiên quyết là môi trường đầu tư an toàn, tin cậy, được hệ thống luật pháp bảo hộ. Thực tiễn ở nước ta hiện nay đang đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu lực của hệ thống luật pháp kinh tế, nhất là Luật Đầu tư nước ngoài, nhằm mở rộng và quản lý tốt hơn nữa nguồn FDI, đáp ứng nguồn vốn cho sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH nền kinh tế.

+ Hoàn thiện hệ thống chính sách liên quan đến FDI

Một hệ thống chính sách kinh tế hợp lý, ổn định, đủ sức hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài là đòi hỏi tất yếu của các nền kinh tế đang trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế như Việt Nam hiện nay. Các chính sách về thuế, cho thuê đất, xuất nhập khẩu, sử dụng lao động, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái... có liên quan đến FDI ở nước ta hiện nay đang đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi Chính phủ quan tâm, giải quyết. Bài học sinh động về cạnh tranh mời gọi đầu tư nước ngoài của một số nước trong khu vực như: Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ... chính là ở hệ thống chính sách liên quan đến FDI rất ổn định, minh bạch, hấp dẫn mà Việt Nam có thể tham khảo, vận dụng.

+ Cải cách thủ tục hành chính liên quan đến FDI

Vấn đề bức xúc, kéo dài gây cản trở, tiêu cực đến việc thu hút FDI ở Việt Nam là thủ tục hành chính rườm rà, quan liêu, những nhiễu, nhiễu bất hợp lý... vẫn chưa được khắc phục. Nhiều hợp đồng, dự án FDI đã được ký kết về nguyên tắc, không đi vào thực tế hoặc bị kéo dài, ách tắc, kém chất lượng, hiệu quả... nguyên do từ trực lợi nhóm, tham nhũng, “hành” là chính gây nên mà không được xử lý, không có địa chỉ chịu trách nhiệm cụ thể... Do đó, để nâng cao hiệu quả thu hút FDI, cần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính liên quan đến FDI.

- Hoàn thiện cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, quy hoạch thu hút FDI

+ Đổi mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu Đại hội XI của Đảng đã đề ra nhằm định hướng cho thu hút FDI

Để triển khai đường lối chiến lược của Đảng: “tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức” thì không thể bỏ qua nguồn vốn và kỹ thuật, công nghệ từ FDI mang lại. Vấn đề quan trọng là, nguồn FDI đó được phân bổ như thế nào, vào đâu để biến thành động lực, tạo thành cú “hích” cho nền kinh tế Việt Nam chuyển động tích cực, mang lại hiệu quả thiết thực. Do đó, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, cụ thể theo tinh thần chỉ đạo tại Đại hội XI của Đảng là định hướng cơ bản, chủ đạo cho các hoạt động thu hút, sử dụng FDI ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

+ Xác định cơ cấu ngành, lĩnh vực... ưu tiên thu hút FDI

Xác định cơ cấu đầu tư nước ngoài hợp lý là một nội dung đặc biệt quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế và đường lối, chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Cần công khai, minh bạch các hướng ưu tiên thu hút FDI, điều kiện thực hiện và những lợi ích đem lại cho các nhà đầu tư. Qua đó, Nhà nước thực hiện sự phân

bổ các nguồn lực từ FDI vào các ngành, lĩnh vực theo cơ cấu đã được xác định, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

+ Quy hoạch, định hướng, cơ chế quản lý thu hút FDI ở các địa phương

Thực trạng về tính “cát cứ”, cục bộ, tùy tiện trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, có liên quan đến FDI ở nhiều tỉnh, thành phố nước ta hiện nay đang gây ra sự lãng phí lớn về nguồn lực, cũng như tính bất cập của quản lý vĩ mô. Điều này thể hiện rõ ở việc các địa phương đua nhau cấp phép xây dựng sân golf, mở trường đại học, xây dựng sân bay, cảng biển, các dự án khai thác tài nguyên khoáng sản, cho thuê đất, thuê rừng... vì lợi ích trước mắt, lợi ích nhóm mà ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích lâu dài, toàn cục và tính cân đối, tổng thể của chiến lược phát triển đất nước. Thực tiễn đang đòi hỏi cấp quản lý vĩ mô ban hành một chiến lược tổng thể, mang tính pháp định về cơ cấu đầu tư, tái đầu tư với những tiêu chí cụ thể và những chế tài buộc các địa phương, các ngành phải tuân thủ nhằm đảm bảo sự đồng bộ, hợp lý, hài hòa, tiết kiệm và hiệu quả trong huy động, sử dụng các nguồn lực cho phát triển đất nước.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng về kinh tế - xã hội

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển, nhất là với những nước đang trong quá trình CNH, HĐH nền kinh tế. Hệ thống về điện, đường, công nghệ thông tin, lực lượng lao động, luật pháp... nếu không được quan tâm xây dựng và hoàn thiện (đủ, đồng bộ, chất lượng) thì các ngành, lĩnh vực sẽ rất khó hoạt động và phát triển tốt. Rất tiếc, đây lại chính là những khâu yếu kém, hạn chế, bức xúc nhất ở nước ta hiện nay, đồng thời là nỗi ám ảnh, quan ngại nhất của các nhà đầu tư nước ngoài khi đến Việt Nam. Với thực trạng như hiện nay: thiếu điện, tắc đường, kẹt xe, luật pháp lỏng lẻo, kém hiệu lực, hệ thống thông tin liên lạc

chậm chờn, thiếu hụt lực lượng lao động chất lượng cao và tác phong công nghiệp... thì trong cuộc cạnh tranh thu hút FDI ở khu vực và trên thế giới, phần thua thiệt, “tụt hạng” tất yếu sẽ thuộc về Việt Nam.

- Phát huy nội lực là giải pháp lớn, cơ bản trong thu hút và sử dụng ngoại lực

Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế là chủ trương lớn của Đảng. Để thực hiện tốt chủ trương đó, điều tất yếu là phải dựa vào nguồn lực nội sinh, “đôi chân” của chính mình, chứ không thể trông chờ, lệ thuộc bên ngoài. Với thực trạng nền kinh tế nước ta hiện nay, để phát huy nội lực, cần tập trung ***giải quyết một số vấn đề*** sau:

+ Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và hình thành các tập đoàn kinh tế có năng lực cạnh tranh cao làm đối trọng với các DN có vốn FDI và các tập đoàn xuyên quốc gia nước ngoài

Tập đoàn kinh tế là tổ chức kinh tế có quy mô lớn, tiềm lực kinh tế - tài chính mạnh, cơ cấu phức tạp, hoạt động trong nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng; là sản phẩm tất yếu của lực lượng sản xuất phát triển cao.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba BCH TƯ Đảng khóa IX chủ trương: “hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh”. Đại hội X của Đảng đã xác định, trong 5 năm (2006 - 2010) “xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế”. Thời gian tới, từ tổng kết thí điểm, cần mở rộng việc hình thành tập đoàn kinh tế trong một số lĩnh vực có điều kiện, có thế mạnh, có khả năng phát triển để cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế như: Dầu khí, Viễn thông, Điện lực, Xây dựng... Đi đôi với sự hình thành các tập đoàn kinh tế, cần sắp xếp lại theo mô hình “công ty mẹ - công ty con” đối với những tổng công ty đang hoạt động không đủ các điều kiện trên, trong đó tổng công ty đầu tư vốn vào các DN (công ty con) thành viên là những công ty trách nhiệm hữu hạn một

thành viên hoặc là công ty cổ phần mà tổng công ty giữ cổ phần chi phối.

+ *Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện cổ phần hóa DN nhà nước*

Trong thời gian tới, cần tiếp tục thực hiện cổ phần hóa cả về chiều rộng và chiều sâu, không chỉ dừng lại ở các DN nhà nước vừa và nhỏ, mà cả DN nhà nước có quy mô lớn; không chỉ các DN thuần kinh tế mà cả DN dịch vụ. Cần xúc tiến thực hiện cổ phần hóa các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty nhà nước sau khi đã tổ chức sắp xếp lại, coi đây là khâu đột phá trong cơ cấu lại, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DN nhà nước, góp phần phòng và chống tham nhũng có hiệu quả. Thông qua kết quả cổ phần hóa, Nhà nước rút một phần vốn trong các DN nhà nước để đầu tư vào các DN liên doanh. Đây là một giải pháp để từng bước thay đổi cơ cấu vốn đầu tư theo hướng có lợi cho phía Việt Nam, từ đó góp phần hạn chế mặt trái của FDI trong các DN thuộc khu vực có vốn FDI. Đồng thời, cần có biện pháp mạnh để phát huy tác dụng của các DN nhà nước sau cổ phần hóa.

- Đảm bảo an ninh tài chính, ngân hàng

Giải pháp này nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt trái của FDI phù hợp với tinh thần của Luật Đầu tư chung đã được ban hành. Hệ thống tài chính - ngân hàng, nhất là ngân hàng là một lĩnh vực nhạy cảm. An ninh của hệ thống này có liên quan trực tiếp đến an ninh của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc cần đảm bảo an ninh của hệ thống bằng các biện pháp kiểm soát hành chính. Ngược lại, an ninh của hệ thống tài chính - ngân hàng sẽ được đảm bảo khi nó có đủ các điều kiện cần thiết để có thể phát triển theo quy luật của thị trường. Bên cạnh việc đảm bảo những tiêu chí vững mạnh của hệ thống ngân hàng theo khuôn khổ chung, việc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô của nền kinh tế (tăng trưởng ổn định; cán cân thanh toán

bền vững, lạm phát phù hợp, nợ nước ngoài ở mức chấp nhận được) cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh của hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam. Trong đó, cần chú trọng mấy *giải pháp cụ thể* như:

+ Cần xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin tài chính - ngân hàng và từng bước áp dụng hệ thống kế toán, kiểm toán dựa trên những chuẩn mực quốc tế;

+ Đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại thông qua biện pháp cổ phần hóa;

+ Đảm bảo an toàn tài chính quốc gia trong quan hệ với FDI, nhất là cần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu lực điều hành của Nhà nước trong lĩnh vực FDI.

- Thực hiện cơ chế FDI đảm bảo bền vững cho môi trường sản xuất, an sinh xã hội, du lịch và văn hóa. Trong đó, cần chú trọng các *giải pháp cụ thể* như:

+ Chọn đối tác đầu tư nước ngoài phù hợp, tin cậy;

+ Áp dụng các biện pháp để kiểm tra, kiểm soát, chế tài đối với các DN FDI trong việc xử lý chất thải, bảo vệ môi trường;

+ Tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước và xã hội dân sự trong việc đảm bảo môi trường bền vững cho sản xuất - kinh doanh và an sinh xã hội ở các khu vực DN có vốn nước ngoài.

Tóm lại, FDI có vai trò hết sức quan trọng đối với sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức ở nước ta hiện nay. Để tận dụng, phát huy vai trò đó, cần nhận rõ tính hai mặt của FDI, qua đó, chủ động tạo lập môi trường, điều kiện thu hút mạnh FDI vào các ngành, lĩnh vực nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, đồng thời, tìm giải pháp thích hợp, khả thi nhằm hạn chế, khắc phục những mặt trái, tiêu cực của nó, để nguồn lực to lớn này đóng góp hiệu quả hơn vào việc thực hiện phương hướng, mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. □